

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2019/DS-PT
Ngày 30-8-2019
V/v Tranh chấp tài sản chung, tranh
chấp hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất, kiện đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Anh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng
Bà Ngô Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2019/TLPT-DS ngày 12/02/2019 về việc “tranh chấp tài sản chung, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, kiện đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 208/2019/QĐPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2019/QĐPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: Số 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Phạm Thị X, sinh năm 1957; trú tại: Số 962/14, khu phố 2, phường Hiệp Bình Phước, quận H, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà X: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: Số 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Võ Hồng S, sinh năm 1953, chết ngày 12/6/2018.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

- + Bà Trần Thị Khánh T, sinh năm 1959,
- + Bà Trần Thị Khánh T, sinh năm 1980,
- + Ông Võ Hoàng Ph, sinh năm 1981,

Cùng trú tại: Số 24/5, khu phố Đông, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Tổ 7, khu phố Trung, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH Xây dựng và kinh doanh địa ốc Tân Vũ M; địa chỉ trụ sở: Số 235, đường Đ, Phường 15, Quận B, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của công ty: Bà Nguyễn Thị T Như, sinh năm 1963; trú tại: Số 235 đường Đ, phường 15, quận B, Thành phố H.

2. Bà Trần Thị Khánh T, sinh năm 1959; trú tại: Số 24/5, khu phố Đông, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1954; trú tại: Số 177, khu phố 1, Phường Hiệp Bình Phước, Quận T, Thành phố H.

4. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1956; trú tại: Số 26/7, khu phố Đông, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- 5. Ông Trần Minh K, sinh năm 1959,
- 6. Ông Trần Bảo Q, sinh năm 1982,
- 7. Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1986,

Cùng trú tại: 14/17 khu phố Đông, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

8. Ông Huỳnh Văn Hoãn, sinh năm 1935, đã chết

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

- + Ông Huỳnh Vũ S, sinh năm 1975,
- + Ông Huỳnh Tấn H, sinh năm 1972,

Cùng trú tại: Số 31/13 khu phố Tây, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ông S, ông Hải.

+ Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1967; trú tại: 22/16 khu phố Đông, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Huỳnh Thị N Hà, sinh năm 1969; trú tại: 139/9Đ tổ 1, khu phố 8, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

8. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1936; chết ngày 08/3/2013

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

+ Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1944; trú tại: Số 78/8 khu phố Đ, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- + Bà Nguyễn Thị N Trinh, sinh năm 1971,

- + Ông Nguyễn N Thanh, sinh năm 1965,
- + Ông Nguyễn N Tấn, sinh năm 1977,
- + Bà Nguyễn Thị N Thủy, sinh năm 1986,

Cùng trú tại: Số 78/8 khu phố Đ, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Nguyễn Thị N Tâm, trú tại: Số 73A/8 khu phố Đ, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

9. Ông Bùi Bá H, sinh năm 1956; trú tại: Số 16/5, khu phố Đông, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

10. Ông Bùi Bá Th, sinh năm 1957; trú tại: Số 132/13, khu phố Tây, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

11. Ông Bùi Bá Thô, sinh năm 1960 (đã chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

+ Ông Bùi Bá H, sinh năm 1956; trú tại: Số 16/5, khu phố Đông, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

+ Ông Bùi Bá Th, sinh năm 1957; trú tại: Số 132/13, khu phố Tây, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Bùi Bá Nữ, sinh năm 1963; trú tại: Số 74/3, khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, Quận T, Thành phố H.

12. Bà Bùi Bá Nữ, sinh năm 1963; trú tại: Số 74/3, khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, Quận T, Thành phố H.

13. Bà Võ Thị Lắc, sinh năm 1937; trú tại: Số 5/11, khu phố Tây, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

14. Bà Huỳnh Thị Bích, sinh năm 1960,

15. Huỳnh Thị Chính, sinh năm 1971,

16. Ông Huỳnh Văn Mười Một, sinh năm 1975,

Cùng trú tại: Số 5/11, khu phố Tây, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

17. Ông Huỳnh Văn Tám (đã chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

+ Bà Nguyễn Q Hương, sinh năm 1968,

+ Ông Nguyễn Q Chí, sinh năm 1955,

+ Ông Huỳnh Q Hào, sinh năm 2001,

Cùng trú tại: 37/11 khu phố Tây, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

18. Bà Huỳnh Thị Bảy, sinh năm 1967; trú tại: Số 22/11, khu phố Tây, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

19. Ông Huỳnh Văn Gương (đã chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

+ Bà Y N Hương, sinh năm 1964,

+ Ông Huỳnh Y Bảo Lâm, sinh năm 1993,

Cùng trú tại: Số 23/11 khu phố Tây, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

20. Bà Phan Thị Kim Cúc, sinh năm 1958,

21. Ông Huỳnh Văn Lý, sinh năm 1987,

22. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1991,

Cùng trú tại: Số 27/11, khu phố Tây, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

23. Ông Võ Hoàng Nam, sinh năm 1957; chết tháng 3 năm 2011.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

+ Bà Lê Thị Bình, sinh năm 1956,

+ Ông Võ Quang Kiệt, sinh năm 1983,

Cùng trú tại: 12/6 khu phố Đông, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

24. Ông Võ Minh Tâm, sinh năm 1959; trú tại: Số 10/9, khu phố Trung, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

25. Bà Võ Thị T Mai, sinh năm 1962; trú tại: Số 36/13, khu phố Tây, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

26. Ông Võ Minh Hùng, sinh năm 1964; trú tại: Số 10, tổ 6 khu phố Đông, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

27. Ông Võ Minh K, sinh năm 1967; trú tại: Số 347, khu phố 5, Phường Hiệp Bình Phước, quận T, Thành phố H.

28. Bà Nguyễn Thị Sáu, sinh năm 1932; trú tại: 17/15 khu phố Đông, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: Số 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

29. Bà Phạm Thị Nhung, sinh năm 1962; trú tại: 11/16 khu phố Tây B, phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: Số 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

30. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 17/15, khu phố Đông, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

31. Bà Lê Thị Lựu, sinh năm 1929, chết ngày 16/3/2016

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

+ Ông Phạm Trọng Cảnh, sinh năm 1960; trú tại: số 254/9/22A đường Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

+ Ông Phạm Trọng Hùng, sinh năm 1958; trú tại: 254/9/22A đường Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

+ Ông Lê Trọng Luân, sinh năm 1951; trú tại: 701 C/c 234 Phan Văn Trị, phường 11, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Phạm Thị Ánh, sinh năm 1953; trú tại: 368/28/16 phường Tân Thới Hiệp, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

32. Ông Phạm Trọng Cảnh, sinh năm 1960; trú tại: số 254/9/22A đường Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

33. Ông Phạm Trọng Hùng, sinh năm 1958; trú tại: 254/9/22A đường Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

34. Ông Lê Trọng Luân, sinh năm 1951; trú tại: 701 C/c 234 Phan Văn Trị, phường 11, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

35. Bà Phạm Thị Ánh, sinh năm 1953; trú tại: 368/28/16 phường Tân Thới Hiệp, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

36. Bà Trần Thị Bé, sinh năm 1937; trú tại: 55 Cô Giang, phường 1, quận Phú Nhuận, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

37. Ông Phạm Văn Trí, sinh năm 1968; trú tại: 55 Cô Giang, phường 1, quận Phú Nhuận, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

38. Bà Phạm Thị Anh Tuyền, sinh năm 1975; trú tại: 55 Cô Giang, phường 1, quận Phú Nhuận, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

39. Bà Phạm Thị Thu Trang, sinh năm 1966; trú tại: 55 Cô Giang, phường 1, quận Phú Nhuận, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

40. Bà Phạm Thị Anh Thư, sinh năm 1974; trú tại: 55 Cô Giang, phường 1, quận Phú Nhuận, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

41. Bà Phạm Thị Cẩm Thúy, sinh năm 1970; trú tại: 55 Cô Giang, phường 1, quận Phú Nhuận, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

42. Bà Phạm Thị Bạch T, sinh năm 1961, chết ngày 06/02/2016

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

+ Ông Đào Trọng Hùng, sinh năm 1958,

+ Ông Đào Tuấn Anh, sinh năm 1980,

+ Ông Đào Anh Tú, sinh năm 1995,

Cùng trú tại: 72 Cô Giang, phường 2, quận Phú Nhuận, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

43. Ông Phạm Hoàng Thái, sinh năm 1961; trú tại: 18 Cù Lao, Phường 2, quận Phú Nhuận, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: 3/7 khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn và cũng là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Thị X là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ông nội bà là Phạm Văn Đ (chết năm 1935) và bà nội là Nguyễn Thị Á (chết năm 1932), ông Đề và bà Ất sinh được 03 người con tên Phạm Thị Phư (chết năm 1967), Phạm Trọng Ng (chết năm 1977) và Phạm Văn B (chết năm 1968).

- Bà Phạm Thị Phư có chồng không rõ họ tên, có 05 người con tên Huỳnh Thị Nư, Huỳnh Văn Xứng, Huỳnh Thị Thưa, Huỳnh Văn Lâm và Huỳnh Văn Hoãn (Quảng).

+ Bà Huỳnh Thị Nư, chết năm 1983, bà Nương có 02 chồng không rõ tên có 06 người con gồm Nguyễn Văn G (chết 08/3/2013), Nguyễn Văn Muội (chết không vợ con), Bùi Bá H, Bùi Bá Th, Bùi Bá Tho (đã chết không rõ năm) và Bùi Bá Nữ.

Như vậy, hàng thừa kế của bà Nương gồm các ông bà Bùi Bá H, Bùi Bá Th, Bùi Bá Nữ, Bùi Bá Tho (do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm các ông bà Bùi Bá H, Bùi bá Th, Bùi Bá Nữ), Nguyễn Văn G (do người kế thừa quyền và nghĩa vụ gồm các ông bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị N Trinh, Nguyễn N Thanh, Nguyễn N Tân, Nguyễn Thị N Thủy, Nguyễn Thị N Tâm).

+ Ông Huỳnh Văn Xứng chết năm 1998, có vợ tên Nguyễn Thị Phận (chết không rõ năm), ông Xứng và bà Phận có 03 người con Huỳnh Thị G, Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị Trâm, bà Trâm chết năm 2007 có chồng tên Trần Minh K và 02 người con Trần Bảo Q và Trần Thị Kim H.

Như vậy, hàng thừa kế của ông Xứng gồm các ông bà Huỳnh Thị G, Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị Trâm (do người kế thừa quyền và nghĩa vụ gồm Trần Minh K, Trần Bảo Q, Trần Thị Kim H).

+ Bà Huỳnh Thị Thưa chết năm 1984, có chồng Võ Văn Điện không rõ năm chết có 06 người con tên Võ Hồng S (chết ngày 12/6/20018), Võ Hoàng Tâm, Võ Hoàng Nam, Võ Minh Hùng, Võ Minh K, Võ Thị T Mai.

Như vậy, hàng thừa kế của bà Thưa gồm các ông bà Võ Hoàng Tâm, Võ Hoàng Nam, Võ Minh Hùng, Võ Minh K, Võ Thị T Mai, Võ Hồng S (do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm bà Trần Thị Khánh T, Trần Thị Khánh T, Võ Hoàng Ph).

+ Ông Huỳnh Văn Lâm chết năm 1985, có vợ tên Nguyễn Thị Lắc, có 06 người con gồm Huỳnh Thị Bích, Huỳnh Thị Chính, Huỳnh Văn Tám (chết), Huỳnh Thị Bảy, Huỳnh Văn Gương (chết), Huỳnh Văn Mười Một, Huỳnh Văn G (chết), ông G có vợ là Phan Thị Kim Cúc và 02 con Huỳnh Văn Lý và Huỳnh Thị N.

Như vậy hàng thừa kế của ông Lâm gồm bà Võ Thị Lắc, Huỳnh Thị Bích, Huỳnh Thị Chính, Huỳnh Văn Mười Một, Huỳnh Thị Bảy, Huỳnh Văn Tám (do

người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm Nguyễn Q Hương, Nguyễn Q Chí, Huỳnh Q Hào), Huỳnh Văn Gương (do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm Y N Hương, ông Huỳnh Y Bảo Lâm), Phan Văn G (do người kế thừa quyền và nghĩa vụ gồm Phan Thị Kim Cúc, Huỳnh Văn Lý, Huỳnh Thị N).

+ Ông Huỳnh Văn Hoãn, chết không rõ năm, không rõ vợ có 04 người con gồm Huỳnh Vũ S, Huỳnh Tấn H, Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị N Hà.

- Ông Phạm Trọng Ng chết năm 1977, có vợ tên Nguyễn Thị Quá chết năm 1951, có 03 người con Phạm Văn Lai, Phạm Trọng Hội, Phạm Văn Ảnh.

+ Ông Lai chết năm 2007, vợ tên Nguyễn Thị Sáu, có 02 con Phạm Văn S, Phạm Thị Nhung.

+ Ông Hội chết năm 1996, có vợ tên Lê Thị Lựu (bà Lựu chết năm 2016), có 04 con Lê Trọng Luân, Phạm Thị Ánh, Phạm Trọng Cảnh, Phạm Trọng Hùng.

+ Ông Phạm Văn Ảnh chết năm 2003, có vợ Trần Thị Bé, có 07 con Phạm Thị Bạch T (chết ngày 06/02/2016), có chồng tên Đào Trọng Hùng, sinh năm 1958, có 02 con tên Đào Tuấn Anh và Đào Anh Tú; Phạm Hoàng Thái; Phạm Thị Thu Trang; Phạm Văn Trí; Phạm Thị Cẩm Thúy; Phạm Thị Anh Thư; Phạm Thị Ánh Tuyền.

- Ông Phạm Văn B chết năm 1968, có vợ tên Nguyễn Thị Tùng, chết năm 2001, có 02 con tên Phạm Thị X, Nguyễn Thị N.

Năm 1981, trưởng nam và trưởng nữ của ba chi thể hiện tờ phân chia đất nội tổ lập ngày 14/10/1981 thỏa thuận nội tổ có 01 mẫu 10 để lại phần hương hỏa, 1500m² thỏa thuận do ông Phạm Văn Lai bảo quản trong đó có đất thổ mộ. Năm 1987, ông Lai già yếu giao lại cho bà N còn lại 9500m² đất chia cho ba chi, bà Nưng diện tích 3.741m², ông Nghĩa do ông Lai đại diện liên ranh với bà Nưng, ông Biên do bà X đại diện nhận giáp ranh chi ông Nghĩa. Diện tích đất 1500m² là đất thổ mộ chưa chia. Theo bà N trên phần đất này đã chôn cất 25 ngôi mộ trong đó 05 mộ xây, 20 mộ đất đã được Công ty TNHH xây dựng và kinh doanh địa ốc Tân Vũ Minh thỏa thuận bồi thường với ông S theo Giấy cam kết số 080/CN/GCK ngày 11/10/2006 có nội dung tổng giá trị chuyển nhượng là 532.000.000 đồng, trong đó tiền di dời, bốc mộ là 135.100.000 đồng và tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đơn giá 420.000 đồng/m² đối với diện tích đất 945m² do ông S đã được Ủy ban nhân dân huyện Thuận An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00324/VP ngày 25/02/2005. Ngày 25/02/2010 Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) ban hành quyết định số 1083/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ Hồng S. Nay bà N có các yêu cầu sau:

1. Yêu cầu chia diện tích 1.500m² (theo đo đạc thực tế 1477m²) của Th tộc làm 03 phần cho 03 chi gồm chi 1 của ông Phạm Trọng Ng đại diện là ông Phạm Văn S, chi 2 ông Phạm Văn B đại diện bà Nguyễn Thị N, chi 3 Phạm Thị Phư đại diện ông Võ Hồng S.

2. Ông Võ Hồng S đại diện nhận tiền di dời mộ số tiền 135.100.000 đồng, như vậy ông S còn giữ số tiền 44.848.000 đồng, yêu cầu chia đều số tiền 44.848.000 đồng cho 03 chi.

3. Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/9/2006 giữa Công ty TNHH xây dựng và kinh doanh địa ốc Tân Vũ Minh với ông Võ Hồng S.

Đối với việc Công ty TNHH xây dựng và kinh doanh địa ốc Tân Vũ Minh bồi thường cho ông S thì tự giải quyết và đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là biên bản phân chia đất nội tổ họ Phạm lập ngày 14/10/1981.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà Trần Thị Khánh T, bà Trần Thị Khánh T, ông Võ Hoàng Ph không có văn bản trình bày ý kiến.

Lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Khánh T trình bày: Không đồng ý các yêu cầu của bà N, bà X. Đất mẹ chồng đã cho vợ chồng bà thì bà được hưởng.

Lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH xây dựng và kinh doanh địa ốc Tân Vũ Minh trình bày: Trình tự bồi thường công ty thực hiện đúng vì thời điểm giải tỏa ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân phường V xác nhận không có tranh chấp, công ty đã thanh toán đầy đủ tiền cho các đương sự, không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

Lời khai của các ông, bà Huỳnh Thị G, Huỳnh Thị T, Trần Minh K, Trần Bảo Q, Trần Thị Kim H, Huỳnh Văn Hoãn, Bùi Bá H, Bùi Bá Th, Bùi Bá Tho, Bùi Bá Nữ, Võ Thị Lắc, Huỳnh Thị Bích, Huỳnh Văn Gương, Huỳnh Thị Bảy, Huỳnh Thị Chính, Huỳnh Văn Tám, Phan Thị Kim Cúc, Huỳnh Văn Lý, bà Huỳnh Thị N, Võ Hoàng Nam, Võ Minh Tâm, Võ Thị T Mai, Võ Minh Hùng, Võ Minh K trình bày: Về quan hệ huyết thống thống nhất ông Đề, bà Át có 03 con chung tên Phạm Thị Phư, Phạm Trọng Ng, Phạm Văn B, việc tranh chấp tài sản chung giữa bà N, bà X với ông S thì các ông bà không có ý kiến gì và các ông bà không tranh chấp tài sản chung với ông S.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hoãn là Huỳnh Vũ S, ông Huỳnh Tấn H, Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị N Hà; Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Giỏi là Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị N Trinh, Nguyễn N Thanh, Nguyễn N Tấn, Nguyễn Thị N Thúy, Nguyễn Thị N Tâm; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Thông là ông Bùi Bá H, ông Bùi Bá Th, bà Bùi Bá Nữ; người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Tám: Nguyễn Q Hương, Nguyễn Q Chí, Huỳnh Q Hào; Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Gương là Y N Hương, Huỳnh Y Bảo Lâm; Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông G là bà Phan Thị Kim Cúc, Huỳnh Văn Lý, bà Huỳnh Thị N; người kế thừa quyền,

nghĩa vụ tố tụng ông Võ Hoàng Nam là Lê Thị Bình và Võ Quang Kiệt không có văn bản trình bày ý kiến.

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông, bà Nguyễn Thị Sáu, Phạm Thị Nhung, Phạm Văn S, Phạm Trọng Cảnh, Phạm Trọng Hùng, Lê Trọng Luân, Phạm Thị Ánh, bà Trần Thị Bé, Phạm Văn Trí, Phạm Thị Anh Tuyền, Phạm Thị Thu Trang, Phạm Thị Anh Thư, Phạm Thị Cẩm Thúy, Phạm Hoàng Thái và đồng thời cũng là người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lựu: Phạm Trọng Cảnh, Phạm Trọng Hùng, Lê Trọng Luân, Phạm Thị Ánh; người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T: Đào Trọng Hùng, sinh năm 1958; ông Đào Tuấn Anh, ông Đào Anh Tú là bà Nguyễn Thị N (là nguyên đơn trong vụ án) thống nhất lời trình bày của bà N, không trình bày gì thêm.

* Tại Bản án sơ thẩm số 94/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị X về việc tranh chấp tài sản chung với bị đơn ông Võ Hồng S do bà Trần Thị Khánh T, Trần Thị Khánh T, Võ Hoàng Ph là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Võ Hồng S.

2. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị X về việc yêu cầu chia tiền bồi thường và di dời mồ mã số tiền 44.848.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị X về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/9/2006 giữa Công ty TNHH xây dựng và kinh doanh địa ốc Tân Vũ Minh với ông Võ Hồng S.

4. Buộc bà Trần Thị Khánh T, Trần Thị Khánh T, Võ Hoàng Ph có trách nhiệm chia tài sản chung cho:

- Bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị X số tiền 129.654.000 đồng (một trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi bốn nghìn).

- Bà Nguyễn Thị Sáu, bà Phạm Thị Nhung, ông Phạm Văn S số tiền 43.318.000 đồng (bốn mươi ba triệu ba trăm mười tám nghìn đồng).

- Ông Phạm Trọng Cảnh, ông Phạm Trọng Hùng, ông Lê Trọng Luân, bà Phạm Thị Ánh và bà Lê Thị Lựu (do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm ông Phạm Trọng Cảnh, ông Phạm Trọng Hùng, ông Lê Trọng Luân, bà Phạm Thị Ánh) số tiền 43.318.000 đồng (bốn mươi ba triệu ba trăm mười tám nghìn đồng).

- Bà Trần Thị Bé, ông Phạm Văn Trí, bà Phan Thị Anh Tuyền, ông Phạm Hoàng Thái, bà Phạm Thị Thu Trang, Phạm Thị Anh Thư, bà Phạm Thị Cẩm Thúy và bà Phạm Thị Bạch T (do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm ông Đào Trọng Hùng, ông Đào Tuấn Anh và ông Đào Anh Tú) số tiền 43.318.000 đồng (bốn mươi ba triệu ba trăm mười tám nghìn đồng).

Các ông bà Bùi Bá H, Bùi Bá Th, Bùi Bá Nữ, Bùi Bá Thô (do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm các ông bà Bùi Bá H, Bùi Bá Th, Bùi Bá Nữ), Nguyễn Văn G (do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm các ông bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị N Trinh, Nguyễn N Thanh, Nguyễn N Tấn, Nguyễn Thị N Thủy, Nguyễn Thị N Tâm) số tiền 25.930.800 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm ba mươi nghìn tám trăm đồng).

Bà Huỳnh Thị G, Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị Trâm (do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm Trần Minh K, Trần Bảo Q, Trần Thị Kim H số tiền 25.930.800 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm ba mươi nghìn tám trăm đồng).

Võ Minh Tâm, Võ Hoàng Nam, Võ Minh Hùng, Võ Minh K, Võ Thị T Mai, Võ Hồng S (do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm bà Trần Thị Khánh T, Trần Thị Khánh T, Võ Hoàng Ph), ông S chỉ được nhận 1/6 của 25.930.800 đồng là số tiền là 4.321.800 đồng và 7.938.000 đồng (công sức bảo quản, giữ gìn tài sản) thành tiền 12.259.800 đồng (mười hai triệu hai trăm năm mươi chín nghìn tám trăm đồng), nên các ông bà Võ Minh Tâm, Võ Hoàng Nam, Võ Minh Hùng, Võ Minh K, Võ Thị T Mai được nhận số tiền 21.609.800 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm lẻ chín nghìn tám trăm đồng).

Võ Thị Lắc, Huỳnh Thị Bích, Huỳnh Thị Chính, Huỳnh Văn Mười Một, Huỳnh Thị Bảy, Huỳnh Văn Tám (do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm Nguyễn Q Hương, Nguyễn Q Chí, Huỳnh Q Hào), Huỳnh Văn Gương (do người thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm Y N Hương, ông Huỳnh Y Bảo Lâm), Huỳnh Văn G (do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm Phan Thị Kim Cúc, Huỳnh Văn Lý, Huỳnh Thị N) số tiền 25.930.800 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm ba mươi nghìn tám trăm đồng).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn Hoãn gồm Huỳnh Vũ S, Huỳnh Tấn H, Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị N Hà số tiền 25.930.800 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm ba mươi nghìn tám trăm đồng).

5. Công ty TNHH xây dựng và kinh doanh địa ốc Tân Vũ Minh được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 945m² thuộc thửa 695 tọa lạc tại khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Bản án sơ thẩm số 94/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo ngày 03/12/2018 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Đát tranh chấp có nguồn gốc của gia tộc, chính quyền địa phương có thông báo năm

1994 về việc không được cấp giấy chứng nhận cho ai, nhưng sau đó bị đơn được cấp GCNQSDĐ, cấp sơ thẩm không xem xét tình tiết này mà xét xử là thiếu sót. Trong quá trình phân chia đến khi quản lý và sử dụng đất, nguyên đơn không tranh chấp với ai, không chồng lấn đất với ai nhưng tòa sơ thẩm cho rằng đất của gia đình tôi chồng lấn phần đất bà Cảnh, ông Thông là xét xử mà không điều tra, xác minh đầy đủ. Phần đất của gia đình tôi không hề bị giải tỏa, khấu trừ nhưng Tòa sơ thẩm xét xử chỉ còn diện tích 945m² mà không phải 1500m² là thiếu sót. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Tân Vũ Minh vẫn giữ nguyên ý kiến việc tranh chấp đất gia tộc của bà N và bị đơn, Công ty không liên quan, Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp với ông S là người được quyền sử dụng đất. Nếu có tranh chấp trong gia tộc thì giữa bà N và gia đình ông S tự giải quyết, không thể thu hồi đất đã được chuyển nhượng hợp pháp theo quy định pháp luật.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định. Đối với người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt coi như tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định.

Về nội dung: Quá trình giải quyết của Tòa sơ thẩm, nguyên đơn khởi kiện căn cứ theo Biên bản phân chia đất nội tổ nhưng không có thể hiện diện tích đất cụ thể, theo GCNQSDĐ cấp cho ông S chỉ 945m², phần diện tích đất còn lại Tòa sơ thẩm đã hỏi Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thị xã Thuận An và được trả lời là diện tích đất nêu trên đã cấp cho bà Cảnh và ông Thông, phía Công ty thì cho rằng thửa đất bà N tranh chấp là của bà Cảnh chứ không phải ông S. Xét thấy, Tòa sơ thẩm chưa xác định được rõ vị trí diện tích đất tranh chấp. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tiền bồi thường di dời mồ mả đối với 12 ngôi mộ trên đất tranh chấp đã được Công ty Tân Vũ Minh bồi thường nhưng Tòa án sơ thẩm nhận định việc tranh chấp mồ mả và tiền đền bù mồ mả của các bên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không giải quyết là không đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S là các ông bà Trần Thị Khánh T, Trần Thị Khánh T, Võ Hoàng Ph; người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan là các ông, bà Trần Thị Khánh T, Huỳnh Thị G, Huỳnh Thị T, Trần Minh K, Trần Bảo Q, Trần Thị Kim H, Bùi Bá H, Bùi Bá Th, Bùi Bá Nữ, Võ Thị Lắc, Huỳnh Thị Bích, Huỳnh Thị Chính, Huỳnh Văn Mười Một, Huỳnh Thị Bảy, Phan Thị Kim Cúc, Huỳnh Văn Lý, Huỳnh Thị N, Võ Hoàng Tâm, Võ Thị T Mai, Võ Hoàng Hùng, Võ Hoàng K; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hoãn là Huỳnh Vũ S, ông Huỳnh Tấn H, Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị N Hà; người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Giỏi là Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị N Trinh, Nguyễn Thị N Tâm; người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Thông là Bùi Bá H, Bùi Bá Th, Bùi Bá Nữ; người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Tám: Nguyễn Q Hương, Nguyễn Q Chí, Huỳnh Q Hào; người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Gương là Y N Hương, Huỳnh Y Bảo Lâm; người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông G là bà Phan Thị Kim Cúc, Huỳnh Văn Lý, bà Huỳnh Thị N; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Võ Hoàng Nam là Lê Thị Bình, và Võ Quang Kiệt đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt coi như tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2007 (Bút lục 04 – 07), bà N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông S giao trả tiền đền bù đất hương hỏa diện tích 945m² với số tiền 396.900.000 đồng để chia làm 03 phần, mỗi phần 132.300.000 đồng cho các thừa kế của ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Á; buộc ông S trả lại cho chị em bà N số tiền di dời mồ mả còn lại của 12 ngôi mộ là 47.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/12/2016 (Bút lục 495 - 497), bà N yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/9/2006 (BL 56) giữa Công ty TNHH xây dựng và kinh doanh địa ốc Tân Vũ Minh với ông Võ Hồng S; sau đó thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định diện tích đất 1500m² tọa lạc tại khu phố P, phường V, thị xã Thuận An đã cấp GCN cho ông S số H00324 ngày 25/10/2005 là tài sản chung chưa chia, yêu cầu chia đều cho 03 chi, mỗi chi 500m²; buộc ông S trả lại số tiền 44.848.000 đồng, đây là tiền hỗ trợ di dời 12 ngôi mộ.

Tòa án sơ thẩm căn cứ vào nội dung Biên bản làm việc ngày 13/6/2018 để xác định yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N (BL 544 – 545) là đối với diện tích đất 945m² thuộc thửa 695 và xác định bà N không khởi kiện ông Bùi Bá Thô và bà Trần Thị Cảnh đối với diện tích đất 243,3m² thuộc một phần thửa 322; diện tích 289,5m² thuộc một phần thửa 323. Tại phiên tòa sơ thẩm (BL 1262) bà N xác định yêu cầu khởi kiện chia diện tích đất 1.477m² cho 03 chi là đại diện thừa kế của ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Á. Tòa án sơ thẩm không xác minh, làm rõ yêu cầu khởi kiện của bà N mà tiến hành xét xử là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2] Về căn cứ khởi kiện của phía nguyên đơn, bà N xuất trình chứng cứ là Biên bản phân chia đất nội tổ họ Phạm lập ngày 14/10/1981, xét chứng cứ do

phía nguyên đơn cung cấp không được phía bị đơn thừa nhận, nội dung biên bản “... để lại hương hỏa 15a (tức 1.500m²) làm thờ cúng, ông Phạm Văn Lai trông giữ đến khi già yếu thì giao lại cho ai thừa kế trong dòng họ”. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào biên bản phân chia đất nội tổ ngày 14/10/1981 để xác định diện tích đất 945m² thuộc thửa 695 có nguồn gốc do ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Á để lại là chưa đủ cơ sở bởi lẽ trong giấy này không thể hiện vị trí, tứ cận và diện tích đất thực tế là bao nhiêu, phần đất còn lại đã chia chưa, mỗi chi được chia bao nhiêu, phần đất 945m² ông S được cấp là phần đất hương hỏa hay phần đất được chia cho 03 chi vì 02 phần đất này đều có nguồn gốc do ông bà để lại. Theo GCNQSDĐ số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ H00324/VP ngày 25/10/2005 cấp cho ông S có diện tích 945m², thửa đất 695, tờ bản đồ số 6 (C3) (nguồn gốc sử dụng đất: Đồi GCN 661/GCN-SB ngày 11/6/1994), Theo GCNQSDĐ số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ H00323/VP ngày 25/10/2005 cấp cho ông S có diện tích 126m², thửa đất 589, tờ bản đồ số 10 (D3) (nguồn gốc sử dụng đất: Đồi GCN 661/GCN-SB ngày 11/6/1994), trên cơ sở khiếu nại của bà N ngày 25/02/2010 UBND huyện Thuận An ban hành Quyết định số 1083/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ số H00324/VP ngày 25/10/2005 của ông S do cấp trái pháp luật; ngày 05/5/2011 UBND thị xã Thuận An ban hành Quyết định số 3391/QĐ-UBND đính chính Quyết định 1083/QĐ-UBND từ thu hồi GCNQSDĐ số H00324/VP ngày 25/10/2005 của ông S thành thu hồi GCNQSDĐ số H00323/VP; ngày 09/8/2011 UBND thị xã Thuận An ban hành Quyết định số 6099/QĐ-UBND thu hồi Quyết định 3391/QĐ-UBND lý do thu hồi có sai sót trong việc ban hành quyết định. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án không thể hiện hồ sơ cấp GCN 661/GCN-SB ngày 11/6/1994 cho ông S để làm căn cứ xác định nguồn gốc đất tranh chấp.

Tại Công văn số 290/UBND-NC ngày 01/3/2010 của UBND thị xã Thuận An (BL 599) có nội dung “ông S được cấp GCNQSDĐ số 667 ngày 12/6/1994 với diện tích 984,1m² trong đó thửa 1301 có diện tích 800m² là phần đất trong Th tộc chia cho, tuy nhiên đến năm 2005 khi lập thủ tục cấp đổi lại GCNQSDĐ số H00324/VP ngày 25/10/2005 có diện tích 945m² thuộc thửa 695 là không đúng vị trí so với GCNQSDĐ ông S được cấp năm 1994 nên UBND huyện Thuận An có Quyết định 1083/QĐ-UBND ngày 25/02/2010 thu hồi GCNQSDĐ H00324/VP nêu trên của ông S”. Tuy nhiên, theo Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 41/2017/QĐ-CCCC ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An (BL 549) về việc yêu cầu cung cấp hồ sơ nguồn gốc đất đối với GCNQSDĐ số H00324/VP ngày 25/10/2005 và H00323/VP cấp ngày 25/10/2005 cho ông Võ Hồng S được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Thuận An cung cấp hồ sơ nguồn gốc đất tại BL 560 – 565 thể hiện hồ sơ đăng ký đối với cả 02 GCNQSDĐ số H00324/VP và H00323/VP đều có nguồn gốc từ GCNQSDĐ số 661/GCN-SB ngày 11/9/1994. Vì vậy, hồ sơ nguồn gốc đất có mâu thuẫn với Công văn số 290/UBND-NC ngày 01/3/2010. Cấp sơ thẩm cần xác minh làm rõ GCNQSDĐ lần đầu đối với sổ H00324/VP là sổ số 667 ngày 12/6/1994 hay sổ 661/GCN-SB ngày 11/9/1994. Xét thấy việc cung cấp thông tin của UBND thị xã Thuận An còn chưa thống nhất, vì vậy, cấp sơ thẩm

xét xử nhưng chưa tiến hành xác minh làm rõ tình tiết nêu trên là thiếu sót, không giải quyết vụ án triệt để.

Căn cứ theo Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc đất tranh chấp ngày 26/6/2008 của bà Nguyễn Thị N (BL 323) về việc yêu cầu xác nhận nguồn gốc đất đối với diện tích đất 945m²thuộc thửa 695 đã được UBND xã V xác nhận “nguồn gốc đất là của ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Á là đúng”. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm chưa xác minh làm rõ theo xác nhận của UBND xã V thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ nào để xác định diện tích đất nêu trên có nguồn gốc là của ông Đ, bà Á.

Tại biên bản xem xét thẩm định và mảnh trích lục địa chính có đo đạc, chỉnh lý do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Thuận An lập ngày 22/01/2018 (BL 775) do bà N xác định ranh thể hiện phần diện tích tranh chấp là 1.477m², đất tọa lạc tại khu phố P, phường V, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, trong đó diện tích 945m²thuộc thửa 695; diện tích 243,3m² thuộc một phần thửa 322; diện tích 289,5m² thuộc một phần thửa 323. Theo Biên bản xác minh ngày 15/5/2018 (BL 679) tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Thuận An thì thửa 323 đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Thuận An cấp cho ông Bùi Bá Tho, đối với thửa 322 chưa cấp cho cá nhân nào. Theo biên bản xác minh ngày 15/5/2018 (BL 678) đại diện Chính quyền địa phương phường V cung cấp thông tin: Theo sổ đăng ký 299 được lập năm 1984-1985 thì vị trí thửa 322 tờ bản đồ C4 có số thửa 1483 do bà Trần Thị Cảnh đăng ký. Tuy nhiên, năm 1997 cấp giấy chứng nhận đại trà theo sổ mục kê 1997 thì thửa đất 322 không có người đăng ký. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty Tân Vũ Minh cho rằng thửa đất bà N tranh chấp là của bà Cảnh chứ không phải của ông S. Như vậy, vị trí, diện tích đất tranh chấp chưa được xác minh làm rõ. Xét thấy, cần xác minh tại cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương đối với các thửa đất nêu trên hiện ai đang quản lý, có thuộc phần đất bà N đang tranh chấp hay không, tiến hành lấy lời khai đối với người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Hồng S, ông Bùi Bá Tho và bà Nguyễn Thị Cảnh về việc diện tích đất tranh chấp theo chỉ ranh của bà N có chính xác hay không mới có đủ cơ sở để giải quyết vụ án, qua đó mới đảm bảo quyền và lợi ích của những người có quyền lợi liên quan khác (nếu có).

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tiền di dời mồ mả: Cả nguyên đơn và bị đơn đề thống nhất thừa nhận trên đất tranh chấp có 25 ngôi mộ (trong đó phần chi ông S có 13 ngôi mộ, phần chi bà N có 12 ngôi mộ) đã được Công ty Tân Vũ Minh bồi thường tiền di dời 135.100.000 đồng, mỗi mộ tương ứng 5.404.000 đồng x 12 mộ = 64.848.000 đồng, bà N đã nhận trực tiếp từ Công ty Tân Vũ Minh 20.000.000 đồng, số tiền còn lại do ông S nhận. Sau khi nhận số tiền 20.000.000 đồng bà N đã thực hiện việc di dời xong 12 ngôi mộ nhưng ông S không giao trả số tiền 44.848.000 đồng còn lại cho bà N. Xét, đây là tranh chấp đòi tài sản (tiền) bồi thường di dời mộ chứ không phải tranh chấp mồ mả. Tòa án sơ thẩm nhận định việc tranh chấp mồ mả và tiền đền bù mồ mả không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không giải quyết và đình chỉ

xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn bà N, bà X là vi phạm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[4] Tại Đơn xác định yêu cầu ngày 07/8/2007 (BL 75) của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị X cùng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trọng Luân, ông Phạm Văn S, ông Phạm Trọng Hùng (ông Hùng đại diện cho bà Lê Thị Lựu, bà Phạm Thị Ánh, ông Phạm Trọng Cảnh); ông Phạm Văn Trí (ông Trí đại diện cho Bà Trần Thị Bé, bà Phan Thị Anh Tuyền, ông Phạm Hoàng Thái, bà Phạm Thị Thu Trang, Phạm Thị Anh Thư, bà Phạm Thị Cẩm Thúy và bà Phạm Thị Bạch T) có nội dung yêu cầu độc lập về việc yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất 945m² thành 03 phần bằng nhau cho 03 chi, mỗi chi được diện tích 315m². Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xét xử không thể hiện việc chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu độc lập của họ là vi phạm thủ tục tố tụng trong việc giải quyết vụ án.

[5] Về kết quả thi hành án, theo Biên bản xác minh ngày 08/10/2018 (BL 828) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An đã cung cấp thông tin về việc thi hành án nhưng bản án sơ thẩm chưa xem xét phần án phí các đương sự đã thực hiện để tính án phí cho các đương sự được chính xác.

[6] Mặt khác, tại kháng nghị tái thẩm ngày 12/01/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Quyết định tái thẩm ngày 05/9/2016 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đều nhận định cần xem xét, đánh giá chứng cứ mới là Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 25/02/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Thuận An. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá đối với chứng cứ này là có thiếu sót.

Từ những căn cứ trên, xét thấy cấp sơ thẩm giải quyết vụ án nhưng chưa điều tra, thu thập chứng cứ đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N là có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm là phù hợp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà N không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

2. Hủy Bản án sơ thẩm số 94/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N không phải nộp. Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0024568 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- TAND thị xã Thuận An;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Anh